AR-26-VZ-014066-01 / EUVN004-00011719

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị gửi mẫu	: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP LONG KHÁNH**
Địa chỉ	: Khu công nghiệp Long Khánh, Phường Bình Lộc, TP Đồng Nai, Việt Nam
Ngày gửi mẫu	: 29/09/2026
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Đầu vào HTXL nước thải Nơi lấy mẫu: Công ty Cổ phần KCN Long Khánh Địa chỉ nơi lấy mẫu: KCN Long Khánh, phường Bình Lộc, Thành phố Đồng Nai Thời gian lấy mẫu: Ngày 29/9/2026
Tình trạng mẫu	: Mẫu lỏng, đựng trong chai nhựa
Mã số mẫu	: 607-2026-00010414

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq=0.9, Kf=0.9	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ002 VZ (a) **Nhiệt độ**	°C	**26,7**	40	SMEWW 2550B:2023
2	VZ008 VZ (a) **Màu**	Pt-Co	**21**	50	SMEWW 2120C:2023
3	VZ001 VZ (a) **pH**	-	**7,92**	6-9	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
4	VZ00B VZ (a) **BOD_5**	mg/l	**26**	24,3	SMEWW 5210B:2023
5	VZ054 VZ (a) **COD**	mg/l	**67**	60,75	SMEWW 5220C:2023
6	VZ05K VZ (a) **Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)**	mg/l	**9**	40,5	SMEWW 2540D:2023
7	VZ00U VZ (a) **Asen (As)**	mg/l	**KPH (LOD=0,0005)**	0,041	SMEWW 3114C:2023
8	VZ010 VZ (a) **Thủy ngân (Hg)**	mg/l	**KPH (LOD=0,0003)**	0,004	SMEWW 3112B:2023
9	VZ0EE VZ (a) **Cadimi (Cd)**	mg/l	**KPH (LOD=0,01)**	0,041	SMEWW 3120B:2023
10	VZ0ED VZ (a) **Chì (Pb)**	mg/l	**KPH (LOD=0,02)**	0,081	SMEWW 3120B:2023
11	VZ05E VZ (a) **Crôm VI**	mg/l	**KPH (LOD=0,01)**	0,041	SMEWW 3500-Cr.B:2023
12	VZ00X VZ (a) **Crôm III**	mg/l	**KPH (LOD=0,01)**	0,162	SMEWW 3120B:2023 & SMEWW 3500-Cr.B:2023
13	VZ0EA VZ (a) **Đồng (Cu)**	mg/l	**KPH (LOD=0,05)**	1,62	SMEWW 3120B:2023
14	VZ0EC VZ (a) **Kẽm (Zn)**	mg/l	**0,133**	2,43	SMEWW 3120B:2023
15	VZ0E7 VZ (a) **Niken (Ni)**	mg/l	**KPH (LOD=0,02)**	0,162	SMEWW 3120B:2023
16	VZ0EB VZ (a) **Mangan (Mn)**	mg/l	**KPH (LOD=0,02)**	0,405	SMEWW 3120B:2023
17	VZ0E9 VZ (a) **Sắt (Fe)**	mg/l	**0,161**	0,81	SMEWW 3120B:2023
18	VZ00M VZ (a) **Tổng xianua**	mg/l	**KPH (LOD=0,002)**	0,057	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2023

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 street, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 12
Effective date: 12/07/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq=0.9, Kf=0.9	PHƯƠNG PHÁP THỬ
19	VZ1AS S3 **Tổng Phenol**	mg/l	**KPH (LOD=0,015)**	0,081	TCVN 6216:1996
20	VZ1AQ S3 **Tổng dầu mỡ khoáng**	mg/l	**KPH (LOD=1,4)**	4,05	SMEWW 5520.B&F:2023
21	VZ011 VZ (a) **Sunfua (S^{2-})**	mg/l	**KPH (LOD=0,03)**	0,162	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023
22	VZ07Y VZ (a) **Florua (F^-)**	mg/l	**0,14**	4,05	SMEWW 4110B:2023
23	VZ00D VZ (a) **Amoni (N-NH_4^+), tính theo N**	mg/l	**KPH (LOD=0,5)**	4,05	SMEWW 4500-NH_3.B&C:2023
24	VZ00Q VZ (a) **Tổng nitơ**	mg/l	**13,7**	16,2	TCVN 6638:2000 (ISO 10048:1991)
25	VZ00P VZ (a) **Tổng phospho**	mg/l	**0,80**	3,24	SMEWW 4500-P.B&D:2023
26	VZ07Z VZ (a) **Clorua (Cl^-)**	mg/l	**386**	405	SMEWW 4110B:2023
27	VZ1AR S3 **Tổng Coliform**	MPN/100 ml	**$3,5x10^2$**	3000	SMEWW 9221B:2023
28	VZ06Q S3 **Tổng hoạt độ phóng xạ α**	Bq/l	**< LOQ (0,09)**	0,1	SMEWW 7110B:2023
29	VZ0K0 S3 **Tổng hoạt độ phóng xạ β**	Bq/l	**0,49**	1	SMEWW 7110B:2023

LOD: giới hạn phát hiện
LOQ: giới hạn định lượng
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 31 tháng 10 năm 2026

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG TP. THỦ ĐỨC - T.P HỒ CHÍ MINH

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Huỳnh Ngọc Phương Mai
Giám đốc

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 street, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 12
Effective date: 12/07/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 327.

"S3": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm VIMCERTS 078.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 street, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 12
Effective date: 12/07/2026

AR-26-VZ-014067-01 / EUVN004-00011719

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị gửi mẫu	: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP LONG KHÁNH**
Địa chỉ	: Khu công nghiệp Long Khánh, Phường Bình Lộc, TP Đồng Nai, Việt Nam
Ngày gửi mẫu	: 29/09/2026
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Đầu ra HTXL nước thải Nơi lấy mẫu: Công ty Cổ phần KCN Long Khánh Địa chỉ nơi lấy mẫu: KCN Long Khánh, phường Bình Lộc, Thành phố Đồng Nai Thời gian lấy mẫu: Ngày 29/9/2026
Tình trạng mẫu	: Mẫu lỏng, đựng trong chai nhựa
Mã số mẫu	: 607-2026-00010415

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq=0.9, Kf=0.9	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ002 VZ (a) **Nhiệt độ**	°C	**26,5**	40	SMEWW 2550B:2023
2	VZ008 VZ (a) **Màu**	Pt-Co	**18**	50	SMEWW 2120C:2023
3	VZ001 VZ (a) **pH**	-	**8,35**	6-9	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
4	VZ00B VZ (a) **BOD_5**	mg/l	**11**	24,3	SMEWW 5210B:2023
5	VZ054 VZ (a) **COD**	mg/l	**< LOQ (40)**	60,75	SMEWW 5220C:2023
6	VZ05K VZ (a) **Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)**	mg/l	**6**	40,5	SMEWW 2540D:2023
7	VZ00U VZ (a) **Asen (As)**	mg/l	**KPH (LOD=0,0005)**	0,041	SMEWW 3114C:2023
8	VZ010 VZ (a) **Thủy ngân (Hg)**	mg/l	**KPH (LOD=0,0003)**	0,004	SMEWW 3112B:2023
9	VZ0EE VZ (a) **Cadimi (Cd)**	mg/l	**KPH (LOD=0,01)**	0,041	SMEWW 3120B:2023
10	VZ0ED VZ (a) **Chì (Pb)**	mg/l	**KPH (LOD=0,02)**	0,081	SMEWW 3120B:2023
11	VZ05E VZ (a) **Crôm VI**	mg/l	**KPH (LOD=0,01)**	0,041	SMEWW 3500-Cr.B:2023
12	VZ00X VZ (a) **Crôm III**	mg/l	**KPH (LOD=0,01)**	0,162	SMEWW 3120B:2023 & SMEWW 3500-Cr.B:2023
13	VZ0EA VZ (a) **Đồng (Cu)**	mg/l	**KPH (LOD=0,05)**	1,62	SMEWW 3120B:2023
14	VZ0EC VZ (a) **Kẽm (Zn)**	mg/l	**KPH (LOD=0,05)**	2,43	SMEWW 3120B:2023
15	VZ0E7 VZ (a) **Niken (Ni)**	mg/l	**KPH (LOD=0,02)**	0,162	SMEWW 3120B:2023
16	VZ0EB VZ (a) **Mangan (Mn)**	mg/l	**KPH (LOD=0,02)**	0,405	SMEWW 3120B:2023
17	VZ0E9 VZ (a) **Sắt (Fe)**	mg/l	**KPH (LOD=0,05)**	0,81	SMEWW 3120B:2023

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 street, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 12
Effective date: 12/07/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq=0.9, Kf=0.9	PHƯƠNG PHÁP THỬ
18	VZ00M VZ (a) **Tổng xianua**	mg/l	**KPH (LOD=0,002)**	0,057	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2023
19	VZ1AS S3 **Tổng Phenol**	mg/l	**KPH (LOD=0,015)**	0,081	TCVN 6216:1996
20	VZ1AQ S3 **Tổng dầu mỡ khoáng**	mg/l	**KPH (LOD=1,4)**	4,05	SMEWW 5520.B&F:2023
21	VZ011 VZ (a) **Sunfua (S^{2-})**	mg/l	**KPH (LOD=0,03)**	0,162	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023
22	VZ07Y VZ (a) **Florua (F^-)**	mg/l	**0,14**	4,05	SMEWW 4110B:2023
23	VZ00D VZ (a) **Amoni (N-NH_4^+), tính theo N**	mg/l	**KPH (LOD=0,5)**	4,05	SMEWW 4500-NH_3.B&C:2023
24	VZ00Q VZ (a) **Tổng nitơ**	mg/l	**7,6**	16,2	TCVN 6638:2000 (ISO 10048:1991)
25	VZ00P VZ (a) **Tổng phospho**	mg/l	**0,06**	3,24	SMEWW 4500-P.B&D:2023
26	VZ07Z VZ (a) **Clorua (Cl^-)**	mg/l	**381**	405	SMEWW 4110B:2023
27	VZ1AR S3 **Tổng Coliform**	MPN/100 ml	**$4,9x10^1$**	3000	SMEWW 9221B:2023
28	VZ06Q S3 **Tổng hoạt độ phóng xạ α**	Bq/l	**< LOQ (0,09)**	0,1	SMEWW 7110B:2023
29	VZ0K0 S3 **Tổng hoạt độ phóng xạ β**	Bq/l	**0,82**	1	SMEWW 7110B:2023

LOD: giới hạn phát hiện
LOQ: giới hạn định lượng
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 31 tháng 10 năm 2026

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG TP THỦ ĐỨC - T.P HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Ngọc Phương Mai
Giám đốc

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 street, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 12
Effective date: 12/07/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 327.

"S3": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm VIMCERTS 078.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 street, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 12
Effective date: 12/07/2026